

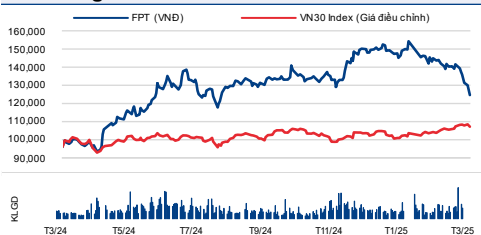
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ157,100
Tiềm năng tăng/giảm: 26.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/3/2025)	124,600
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	93,483-154,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	128,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	183,295
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,175
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,471
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	721
Slg CP NN được mua (tr.đv)	74.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	44.0%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	73,578	88,250
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	15,053	18,088
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,140	15,732
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,335	11,262
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,605	8,302
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,844	7,051
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,650	28,200
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	15.4	20.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	18.9	20.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.5	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	17.9	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	42.8	35.5
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	16.8	10.5
ROAE (%)	28.7	28.9	29.6
ROACE (%)	31.0	29.4	30.1
EV/doanh thu (lần)	3.01	2.56	2.12
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.5	12.5	10.3
P/E ĐC (lần)	25.3	21.3	17.7
P/B (lần)	6.15	5.27	4.42
Lợi suất cổ tức (%)	1.61	2.01	2.01

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

KQKD 2 tháng đầu năm 2025 tích cực, lợi nhuận thuần tăng 21% so với cùng kỳ

- Lợi nhuận thuần 2 tháng đầu năm 2025 đạt 1.378 tỷ đồng (tăng 21,2% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 10.438 tỷ đồng (tăng 16,4% so với cùng kỳ). KQKD 2 tháng đầu năm 2025 hoàn thành lần lượt 14,2% và 14,7% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của HSC.
- Doanh thu và LNTT mảng Công nghệ tăng tốt ở mức 19% và 28%, đa phần nhờ doanh thu và LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 21% và 25%. Doanh thu và LNTT mảng Viễn thông tăng mạnh 15% và 22% nhờ dịch vụ Bảng thông rộng và Pay TV (truyền hình trả tiền).
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 14% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 20,5 lần và cổ phiếu cũng có P/E dự phóng năm 2025 là 21,3 lần, thấp hơn so với bình quân các công ty cùng ngành ở mức 25,1 lần. Với các yếu tố nền tảng vững chắc, chúng tôi khuyến nghị Mua vào khi cổ phiếu có những nhịp điều chỉnh, với giá mục tiêu là 157.100đ.

Sự kiện: Công bố KQKD 2 tháng đầu năm 2025

Ngày 20/3/2025, FPT công bố KQKD 2 tháng đầu năm 2025, với lợi nhuận thuần đạt 1.378 tỷ đồng (tăng 21,2% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 10.438 tỷ đồng (tăng 16,4% so với cùng kỳ). Kết quả trên đa phần sát với dự báo và hoàn thành lần lượt 14,2% và 14,7% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của HSC ở mức 73.578 tỷ đồng (tăng trưởng 17,1%) và 9.345 tỷ đồng (tăng trưởng 18,9%).

Mảng Công nghệ vẫn là động lực tăng trưởng chính...

Doanh thu mảng Công nghệ tăng 19,1% so với cùng kỳ đạt 6.194 tỷ đồng nhờ doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 20,9% so với cùng kỳ đạt 5.263 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng khiêm tốn 9,9% so với cùng kỳ đạt 931 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD 2 tháng đầu năm 2025, FPT

FPT ghi nhận KQKD tích cực trong 2 tháng đầu năm 2025 với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 16,4% và 21,2% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	2T25	% so với cùng kỳ	Kế hoạch 2025	% hoàn thành	2025F của HSC	% dự báo
Doanh thu	10,438	16.4%	75,400	13.8%	73,578	14.2%
Công nghệ	6,194	19.1%	49,260	12.6%	48,245	12.8%
Nước ngoài	5,263	20.9%			38,187	13.8%
Trong nước	931	9.9%			10,059	9.3%
Viễn thông	3,042	15.3%	19,900	15.3%	19,602	15.5%
Khác	1,202	6.7%	6,240	19.3%	5,731	21.0%
LNTT	1,885	20.3%	13,395	14.1%	13,140	14.3%
Công nghệ	840	27.7%	6,655	12.6%	6,590	12.7%
Nước ngoài	862	24.6%			5,957	14.5%
Trong nước	(22)	35.3%			632	-3.5%
Viễn thông	580	21.8%	4,200	13.8%	4,246	13.7%
Khác	465	7.4%	2,540	18.3%	2,304	20.2%
Lợi nhuận thuần	1,378	21.2%			9,345	14.7%

Nguồn: FPT, HSC

Xét theo thị trường đối với mảng dịch vụ CNTT nước ngoài, doanh thu tại thị trường Nhật Bản tăng 30% so với cùng kỳ đạt 2.169 tỷ đồng (sát với KHKD của BLĐ FPT đề ra) và đóng góp 41,2% vào doanh thu của mảng này. Tuy nhiên, doanh thu tại thị trường Mỹ tăng chỉ 8,3% so với cùng kỳ (thấp hơn mục tiêu Công ty đề ra là tăng 20% trong năm 2025) do thị trường thận trọng hơn trong việc chi tiêu cho CNTT trong bối cảnh bất ổn về kinh tế và địa chính trị. Doanh thu ký kết trong 2 tháng đầu năm đạt 8,417 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ.

Xét theo dịch vụ, doanh thu dịch vụ chuyển đổi số (DX) vẫn còn khả năng phục hồi tốt với mức tăng 33% so với cùng kỳ đạt 2.468 tỷ đồng và đóng góp khoảng 46,9% vào doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài.

Đối với lợi nhuận thuần, LNTT mảng Công nghệ đóng góp 840 tỷ đồng, tăng 27,7% so với cùng kỳ, với tỷ suất LNTT đạt 13,6%, cao hơn mức 12,7% trong 2 tháng đầu năm 2024, đa phần nhờ năng suất được cải thiện.

Trong đó, LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài đạt 862 tỷ đồng, tăng 24,6% so với cùng kỳ trong khi LNTT mảng dịch vụ CNTT trong nước giảm lỗ xuống còn 22 tỷ đồng (so với lỗ 35 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm 2024).

... theo sau là mảng Viễn thông tăng mạnh

Mảng Viễn thông tiếp tục tăng trưởng tích cực, với LNTT tăng 21,8% so với cùng kỳ đạt 580 tỷ đồng trên doanh thu thuần 3.042 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ, cho thấy tỷ suất LNTT ở mức 19,1%, cao hơn mức 18% trước đó. Doanh thu thuần đa phần đến từ các phân khúc băng thông rộng và Pay TV (truyền hình trả tiền), là thành quả của nỗ lực đẩy mạnh bán hàng và tối ưu hóa các gói dịch vụ internet. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng chủ yếu nhờ doanh thu thuần tăng và việc tối ưu hóa chi phí hiệu quả hơn.

Doanh thu của mảng Giáo dục và các mảng khác đạt 1.202 tỷ đồng (tăng 6,7% so với cùng kỳ) trên LNTT ở mức 465 tỷ đồng (tăng 7,4% so với cùng kỳ).

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

LNTT/lợi nhuận thuần 2 tháng đầu năm của FPT đạt 1.885 tỷ đồng (tăng 20,3% so với cùng kỳ) và 1.378 tỷ đồng (tăng 21,2% so với cùng kỳ). Kết quả trên đang đúng hướng với mục tiêu LNTT Công ty đề ra cho cả năm 2025 ở mức 13.395 tỷ đồng (tăng trưởng 21%) và dự báo LNTT cho cả năm của chúng tôi ở mức 9.345 tỷ đồng (tăng trưởng 18,9%). Doanh thu thuần trong 2 tháng đầu năm 2025, tăng 16,4% so với cùng kỳ đạt 10.438 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với KHKD Công ty đề ra với doanh thu thuần 75,4 nghìn tỷ đồng trong năm nay (tăng trưởng 20%) nhưng đa phần phù hợp với dự báo của HSC ở mức 73.578 tỷ đồng (tăng trưởng 17,1%). Tuy nhiên, với kết quả trên, FPT đã hoàn thành lần lượt 14,2% và 14,7% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của chúng tôi.

HSC ghi nhận thị trường bán tháo cổ phiếu FPT trong hoảng loạn trong thời gian gần đây, dường như xuất phát từ mối lo sợ quá mức liên quan đến triển vọng lợi nhuận của Công ty, đặc biệt là tính khả thi của việc đạt được mức tăng trưởng 20%/năm như nhiều năm qua. Tuy nhiên, kết quả phân tích của chúng tôi cho thấy các yếu tố nền tảng cơ bản của FPT vẫn còn vững chắc, với lợi nhuận thuần dự kiến tăng trưởng 19% trong năm nay và trên 20% mỗi năm trong 2 năm tới.

FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 20,5 lần và có P/E dự phóng năm 2025 ở mức 21,3 lần, thấp hơn nhiều so với P/E trung vị dự phóng năm 2025 của các công ty cùng ngành ở mức 25,1 lần. Khuyến nghị Mua vào khi giá cổ phiếu điều chỉnh.

Bảng 2: Biến động tỷ suất LNTT, FPT

Tỷ suất lợi nhuận tiếp tục cải thiện so với cùng kỳ nhờ quản lý chi phí hiệu quả hơn

%	2T24	T3/24	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	T11/24	T12/24	2T25
LNTT	17.5%	18.9%	18.6%	17.6%	16.3%	17.9%	18.5%	18.5%	20.1%	18.1%	12.9%	18.1%
Công nghệ	12.7%	15.2%	13.1%	12.6%	14.6%	13.8%	14.6%	12.9%	16.6%	13.7%	8.6%	13.6%
Nước ngoài	15.9%	16.0%	15.5%	14.8%	16.3%	16.1%	17.0%	15.8%	17.2%	16.2%	8.2%	16.4%
Trong nước	-4.0%	11.8%	2.3%	1.2%	10.1%	-0.2%	4.7%	1.4%	13.1%	5.8%	9.5%	-2.4%
Viễn thông	18.0%	25.5%	21.4%	22.6%	22.0%	20.5%	21.0%	18.3%	20.2%	19.4%	18.1%	19.1%
Khác	38.4%	24.9%	41.3%	35.9%	10.7%	41.3%	36.3%	53.5%	39.5%	48.2%	27.6%	38.7%
Lợi nhuận thuần	12.7%	12.9%	13.4%	12.1%	11.4%	12.5%	13.3%	13.5%	14.5%	13.1%	8.5%	13.2%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	73,578	88,250	105,071
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	27,804	33,293	39,591
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,944)	(19,043)	(22,641)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	597	730	893
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	52.2	62.6	74.5
LN TT	9,203	11,070	13,140	15,732	18,822
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,799)	(2,044)	(2,267)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,345	11,274	13,660
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,335	11,262	13,647
EBITDA ĐC	10,738	13,044	15,053	18,088	21,552
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,844	7,051	8,543
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,844	7,051	8,543
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,471	1,471	1,471
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,471	1,471	1,471

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,290	16,447	19,582
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,281	2,736	3,257
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,399	1,678	1,998
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	55,850	69,058	84,248
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,062	18,175	18,637
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,499	6,097	6,855
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,144	30,022	31,359
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	16,923	19,415	21,014
Phải trả người bán	2,603	4,424	5,170	6,201	7,383
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	15,147	18,167	21,630
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	40,583	47,793	54,801
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	368	442	526
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,797	1,956	2,143
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	42,380	49,749	56,944
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,790	41,484	49,639
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,613	49,331	58,663
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	83,993	99,080	115,607
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,650	28,200	33,743
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,185	3,589	248

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,860	14,251	16,950
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,193)	(3,838)	(4,602)
Lãi vay thuần	618	124	631	689	905
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,996)	(2,414)	(2,895)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(1,229)	(1,889)	(1,681)
Khác	(1,102)	(125)	(568)	(819)	(933)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,891	13,655	16,949
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,286)	(5,353)	(5,507)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(7,766)	(8,381)	(9,194)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,678)	(3,678)	(4,413)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	2,976	2,492	1,599
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	(702)	(1,186)	(2,814)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,738	16,826
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,423	4,088	4,940
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,738	16,826	21,767
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,605	8,302	11,442

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.8	37.7	37.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.5	20.5	20.5
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	13.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.2	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	17.1	19.9	19.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	15.4	20.2	19.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	18.9	20.6	21.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	42.8	35.5	35.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.9	29.6	30.0
ROACE (%)	29.3	31.0	29.4	30.1	30.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.94	0.96	0.98
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.00	0.96	1.00
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	18.2	18.2	18.2
Số ngày phải thu	109	106	106	109	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.2	41.2	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	16.8	10.5	2.39
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	22.1	21.4	19.9
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.23	1.17	1.06
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.38	1.44	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.12	3.01	2.56	2.12	1.75
EV/EBITDA ĐC (lần)	15.3	14.5	12.5	10.3	8.52
P/E (lần)	26.7	25.3	21.3	17.7	14.6
P/E ĐC (lần)	30.8	25.3	21.3	17.7	14.6
P/B (lần)	6.34	6.15	5.27	4.42	3.69
Lợi suất cổ tức (%)	1.61	1.61	2.01	2.01	2.41

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn